

Bản án số: **35** /2022/HSPT

Ngày: 25/3/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

**- Thành phần hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hải Hường

*Các thẩm phán:* Ông Đặng Văn Bảo

Bà Hoàng Thị Thu Hiền

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**- Đại diện VKSND tỉnh B tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 25/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B mở phiên tòa công khai xét xử Pc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/HSPT ngày 17/01/2022 đối với bị cáo Vũ Văn C do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 99/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh B.

**\* Bị cáo có kháng cáo:**

**1.** Họ tên: **Vũ Văn C**, sinh năm 1983, tại tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: không; nơi đăng ký ĐKKHTT và chỗ ở: Thôn Quý Dương, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân lái tàu đường sông; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Sáu (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hoàn, sinh năm 1954; có vợ Đặng Thị Huệ, sinh năm 1986 và có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ 09/10/2020 đến 18/10/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại, (có mặt).

**- Bị hại:** Tập đoàn Công nghiệp T - KS Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Văn P - Giám đốc Công ty kinh doanh T Hà Bắc, địa chỉ: Số 27, đường Lý Siêu Hoàng, phường Suối Hoa, thành phố B, tỉnh B, (vắng mặt)

**\* Người tham gia tố tụng khác:** Ngoài ra vụ án còn có 10 bị cáo khác, 05 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/12/2019, Tập đoàn Công nghiệp T - KS Việt Nam, có trụ sở tại số 226, đường Lê Duẩn, quận DD, thành phố HN ký hợp đồng bán 800.000 tấn T cám

(gồm 400.000 tấn loại 4a.1 và 400.000 tấn loại 5a.1) cho Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc, có trụ sở tại đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố B, tỉnh B. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận giao hàng làm 04 lần (01 quý/01 lần), bên bán có trách nhiệm vận chuyển và giao hàng cho bên mua theo các điều khoản trong hợp đồng, và giao xong trong năm 2020.

Sau khi ký hợp đồng bán T cho Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc, ngày 15/4/2020, Tập đoàn Công nghiệp T - KS Việt Nam đã ký hợp đồng thuê Công ty TNHH Thương mại Đông Nam có trụ sở tại số 31, ngõ 39, phố Hòa Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận DD, thành phố HN để thuê vận chuyển T từ Cảng chính Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh cho các hợp đồng bán T của Công ty T KS Việt Nam, tuy nhiên, Công ty TNHH Thương mại Đông Nam không trực tiếp vận chuyển T mà ký hợp đồng với Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Sông Hồng, có trụ sở tại số 05 dãy B, tổ 60, phố Tam Chinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố HN để thực hiện việc vận chuyển T cho Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Hà Bắc.

Ngày 05/10/2020, Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Sông Hồng phân công các nhân viên của Công ty gồm: Vũ Văn C, sinh năm 1983 (là thuyền trưởng); Đào Duy Tầm, sinh năm 1983 (là thuyền phó); cùng các công nhân là thủ thủy gồm: Nguyễn Duy Long, sinh năm 1976; Vũ Văn Cường, sinh năm 1983; Bùi Văn Long, sinh năm 1988; Trương Công Súc, sinh năm 1976 và Lê Văn Việt, sinh năm 1988 điều khiển đoàn tàu đẩy ký hiệu Sông Hồng 16 lai đẩy 04 sà lan ký hiệu lần lượt là SH 11, số đăng ký HN 1807; SH 12, số đăng ký HN 1808; SH 15, số đăng ký HN 1810 và SH 16, số đăng ký HN 1811 đến Cảng chính Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh để nhận hàng (T cám 4a.1).

Khoảng 02 giờ 00 Pt ngày 07/10/2020, sau khi hoàn tất các thủ tục ban đầu, Cảng chính Cửa Ông tiến hành việc chuyển T (loại T cám 4a.1) xuống 04 sà lan SH 11; SH 12; SH 15 và SH 16 của C. Sau khi T được chuyển đầy đủ theo hợp đồng xuống 04 sà lan của C thì bộ phận giám định của Kho cảng, Phân xưởng giao nhận và Trung tâm giám định Cẩm Phả tiến hành lấy mẫu T trên 04 sà lan, đo mớn dầm phươg tiện, sau đó chuyển một phần mẫu T cho C, phần còn lại Công ty giữ để giám định về chất lượng và độ ẩm của T. Sau khi nhận được mẫu T và kết quả về độ ẩm thực tế của toàn bộ khối lượng T trên 04 sà lan là 10,06%, C trực tiếp đến gặp Vũ Chí Tình, sinh năm 1971 là Giám định viên của Trung tâm giám định Cẩm Phả đặt vấn đề mua thêm 0,74% độ ẩm của T, để tăng độ ẩm của toàn bộ khối lượng T trên 04 sà lan từ 10,06% lên thành 10,80% thì được Tình đồng ý. C trực tiếp đưa cho Tình số tiền là 10.000.000 đồng. Mục đích C mua độ ẩm là để C trộm cắp một phần T trên đường vận chuyển để bán lấy tiền, sau đó bơm nước thêm vào trước khi giao hàng cho Công ty cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc.

Khi mọi thủ tục được hoàn tất, C nhận hóa đơn giá trị gia tăng rồi làm thủ tục xuất cảng. Trước khi rời cảng toàn bộ số T trên 04 sà lan đều được Cảng kho vận niêm phong, kẹp chì, che kín bạt.

Khoảng 11 giờ ngày 07/10/2020, C cùng mọi người điều khiển tàu đẩy Sông Hồng 16 để lai đẩy 04 sà lan chở T rời cảng kho vận Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh theo đường thủy di chuyển về Sông Thương tỉnh B. Đến khoảng 15 giờ ngày 09/10/2020, thì tàu chở T của C về đến khu vực sông Thương, thuộc địa

phận huyện Yên Dũng, tỉnh B, C gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Trường, sinh năm 1985, ở tại thôn Phả Lại, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh B nói với Trường là C có khoảng hơn 60 tấn T 4a.1 muốn bán với giá 1.200.000 đồng/tấn, nếu Trường mua thì chuẩn bị tàu và phương tiện để mức T. Do quen biết C từ lâu, đã mua T của C nhiều lần, biết C bán T do trộm cắp mà có, do háo lợi, nên thấy C điện thoại thì Trường đã đồng ý mua. Hai bên thống nhất thời gian mức T vào khoảng 18 giờ 30 Pt cùng ngày tại địa điểm Sông Thương tại thôn Tân Phượng, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh B. Sau đó C bảo với Đào Duy Tầm về việc bán trộm T trên sà lan cho Trường để lấy tiền chi tiêu thì được Tầm đồng ý. Khi tàu về đúng địa điểm đã hẹn thì C cho dừng tàu, C và Tầm bảo Duy Long, Cường, Văn Long, Súc, Việt tiến hành phá niêm phong, rút kẹp chì, tháo bạt che đậy T ở 04 sà lan, rồi sử dụng 02 máy bơm nước hút nước, loại máy chạy bằng xăng để hút nước từ dưới sông lên bơm vào 04 sà lan T. Việc phá kẹp chì, tháo bạt để bơm nước vào T, thì Tầm, Duy Long, Cường, Văn Long, Súc, Việt đều biết là để khi bán T vẫn đảm bảo khối lượng như đã nhận ở cảng.

Sau khi được C thông báo thời gian, địa điểm trộm T thì Trường điện thoại báo Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1998, ở cùng thôn với Trường và bảo Mạnh là “khi nào Tình gọi đi làm thì đi phụ đê trở T”, khi xong việc thì trả cho Mạnh 350.000 đồng, Mạnh đồng ý. Trường gọi điện thoại báo cho Trần Quang Tình, sinh năm 1986, ở cùng thôn (Tình là người làm thuê cho Trường được Trường trả tiền công theo tháng), là “tối đánh tàu đi làm T của đoàn Sông Hồng 16 đang đỗ ở ngã ba Nhân, khi nào đi thì bảo Mạnh đi cùng”. Trường gọi cho Đoàn Văn Độ, sinh năm 1971, ở thôn Cáp Trại, xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh B để thuê Độ dùng tàu BN 0384 có sẵn máy mức trên tàu để đi mức T trộm cắp từ đoàn tàu đẩy Sông Hồng 16 sang tàu BN 1168 của Trường với giá thỏa thuận là 4.000.000 đồng, Độ biết mức T trộm cắp cho Trường nhưng Độ vẫn đồng ý

Khoảng 17 giờ 30 Pt ngày 09/10/2021, Độ điều khiển tàu tự hành BN 0384 đến vị trí tàu đẩy Sông Hồng 16 đang neo đậu, đi cùng trên tàu có chị Nguyễn Thị Định, sinh năm 1978 là vợ của Độ. Khoảng 18 giờ 00 Pt cùng ngày, Tình điều khiển tàu tự hành BN 1168 chở Mạnh đến vị trí tàu đẩy Sông Hồng 16 đang neo đậu. Khi thấy Độ và Tình đến thì C bảo Tầm, Duy Long, Cường, Văn Long, Súc, Việt tách 04 sà lan thành một hàng dọc. Sau khi tách xong, tàu BN 0384 của Độ áp sát vào mạn sà lan bên phải, Tình điều khiển tàu BN 1168 áp sát vào mạn sà lan bên phải tàu của Độ, xong Độ điều khiển máy mức trên tàu của Độ bắt đầu mức T từ các sà lan của tàu đẩy Sông Hồng 16 sang khoang tàu BN 1168. Độ mức lần lượt từ sà lan thứ nhất sang sà lan thứ tư. Đến khoảng 20 giờ 50 Pt cùng ngày, trong khi các đối tượng đang thực hiện hành vi trộm cắp được khoảng 95,06 m<sup>3</sup> T thì bị Cục C sát giao thông cùng C sát đặc nhiệm Bộ Công an phối hợp với Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh B bắt quả tang.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 tàu đẩy Sông Hồng 16, số đăng ký HN-1809 và 04 sà lan ký hiệu lần lượt là SH 11, số đăng ký HN 1807; SH 12, số đăng ký HN 1808; SH 15, số đăng ký HN 1810 và SH 16, số đăng ký HN 1811, trên các sà lan có chứa T, đã được niêm phong.

- Thu giữ trên sà lan của tàu đẩy Sông Hồng 16 gồm: 02 máy bơm nước loại máy chạy bằng xăng (trong đó có 01 chiếc có ký hiệu HONDA GX 200; 01 chiếc có ký hiệu HONDA GX 1200) đều kèm theo ống chõ và ống hút nước.

- Thu giữ 09 kẹp chì đã bị cắt phá trên 04 sà lan

- Thu trên tàu đẩy Sông Hồng 16, số đăng ký HN-1809 các giấy tờ, tài liệu gồm: 01 bản gốc chứng thư giám định số 0160299; 01 hóa đơn giá trị gia tăng (dùng bán T) số 0014651 ngày 07/10/2020; 01 phiếu kết quả giám định khối lượng; 01 biên bản niêm phong hàng ngày 07/10/2020; 01 biên bản giao nhận T và chứng từ ngày 07/10/2020; 05 giấy vận chuyển của công ty TNHH thương mại Đông Nam; 01 giấy phép rời cảng biển số 0169976/GP ngày 07/10/2020; 01 biên lai thu tiền phí, lệ phí ngày 05/10/2020; 05 giấy chứng nhận bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông; 05 giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao); 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 01424/19V29 do Chi cục đăng kiểm số 1 cấp ngày 18/11/2019 cho phương tiện Sông Hồng 16; 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 01425/19V29 do Chi cục đăng kiểm số 1 cấp ngày 18/11/2019 cho phương tiện SH11; 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 01426/19V29 do Chi cục đăng kiểm số 1 cấp ngày 18/11/2019 cho phương tiện SH12; 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 01427/19V29 do Chi cục đăng kiểm số 1 cấp ngày 18/11/2019 cho phương tiện SH15; 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 01428/19V29 do Chi cục đăng kiểm số 1 cấp ngày 18/11/2019 cho phương tiện SH16; 05 sổ danh bạ thuyền viên của tàu đẩy Sông Hồng 16 và các sà lan SH 11, SH12, SH15, SH16; 04 sổ chứng nhận thể tích chiếm nước phương tiện thủy nội địa đối với các sà lan SH 11, SH12, SH15, SH16; 04 báo cáo kiểm tra thể tích chiếm nước và trọng tải toàn phần phương tiện thủy nội địa đối với các sà lan SH 11, SH12, SH15, SH16; 04 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa mang tên Vũ Văn C, Đào Duy Tầm, Bùi Văn Long, Trương Công Súc; 02 Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng phương tiện thủy nội địa mang tên Vũ Văn Cường, Nguyễn Duy Long; 01 Chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa mang tên Lê Văn Việt.

- Thu của Vũ Văn C: số tiền 26.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ, đen loại 5310 đã qua sử dụng.

- Thu của Đào Duy Tầm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt lưng màu xanh, ốp nhựa màu trắng và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh loại 105 đều đã qua sử dụng.

- Thu của Vũ Văn Cường: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL màu xanh đều đã qua sử dụng.

- Thu của Trương Công Súc: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đã qua sử dụng.

- Thu của Lê Văn Việt: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng ốp lưng bằng nhựa màu trắng đã qua sử dụng.

- Thu của Nguyễn Duy Long: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mặt sau không có nắp đậy đã qua sử dụng.

- Thu của Bùi Văn Long: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại 105 đều đã qua sử dụng.

- Thu của Đoàn Văn Độ: 01 tàu tự hành BN 0384, trên khoang có 01 máy mức bánh xích nhãn hiệu KOHATSU; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO màu trắng, màn hình bị đập vỡ kính đã qua sử dụng.

- Thu của Trần Quang Tình: 01 tàu tự hành BN 1168, trên tàu tại thời điểm bắt quả tang xác định được có 95,06m<sup>3</sup> T cám loại 4a.1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại 106 đã qua sử dụng.

- Thu của Nguyễn Văn Mạnh: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt lưng màu vàng, ốp nhựa màu đen đã qua sử dụng.

- Thu trên hai khoang tàu tự hành BN 1168, mỗi khoang 01 mẫu T; 02 mẫu T được đựng trong 02 lọ nhựa đầy nắp kín niêm phong có chữ ký xác nhận của Trần Quang Tình.

- Thu trên 04 sà lan có ký hiệu lần lượt là SH 11, SH 12, SH15, SH16, mỗi sà lan một mẫu T được đựng trong 04 lọ nhựa đầy nắp kín niêm phong có chữ ký xác nhận của Vũ Văn C.

Ngày 12/10/2021, Nguyễn Văn Trường đến Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đầu thú. Cùng ngày Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã khám xét khẩn cấp nhà Nguyễn Văn Trường thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 1 355752101832498, số IMEI 2 355752103832496 bên trong lắp sim số 0989377108; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 353120113993850 bên trong lắp sim số 0813578783; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 359411087549347 bên trong lắp sim số 0949269158.

Ngày 12/10/2020, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh B tiến hành trưng cầu giám định đến Viện khoa học hình sự - Bộ công an để giám định các mẫu T thu giữ khi bắt quả tang. Tại bản kết luận giám định số 7092/C09 - P4 ngày 26/10/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

“- 02 (hai) mẫu chất rắn dạng hạt nhỏ, màu đen, ghi thu trên 02 (hai) khoang tàu tự hành BN 1168 ký hiệu số 1, số 2 và 04 (bốn) mẫu thu lần lượt ở 04 (bốn) sà lan (ký hiệu lần lượt là SH 11, số đăng ký HN 1807; SH 12, số đăng ký HN 1808; SH 15, số đăng ký HN 1810 và SH 16, số đăng ký HN 1811) đều là T đá.

- Độ ẩm của các mẫu như sau:

+ Mẫu ký hiệu số 1 thu trên khoang tàu tự hành BN 1168: 8,79 %.

+ Mẫu ký hiệu số 2 thu trên khoang tàu tự hành BN 1168: 9,90 %.

+ Mẫu ký hiệu SH 11, số đăng ký HN 1807 thu trên sà lan: 11,16 %.

+ Mẫu ký hiệu SH 12, số đăng ký HN 1808 thu trên sà lan: 10,70 %.

+ Mẫu ký hiệu SH 15, số đăng ký HN 1810 thu trên sà lan: 9,55 %.

+ Mẫu ký hiệu SH 16, số đăng ký HN 1811 thu trên sà lan: 6,37 %.

- Do các mẫu lẫn tạp chất nên không đủ yếu tố để giám định so sánh 02 (hai) mẫu thu trên 02 (hai) khoang tàu tự hành BN 1168 ký hiệu số 1, số 2 với 04 (bốn) mẫu thu trên các sà lan (ký hiệu lần lượt là SH 11, số đăng ký HN 1807; SH 12, số đăng ký HN 1808; SH 15, số đăng ký HN 1810 và SH 16, số đăng ký HN 1811)”;

Ngày 15/01/2021, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Yên Dũng tiến hành cân để xác định tổng khối lượng T trộm cắp có trên khoang tàu tự hành BN 1168. Kết quả xác định tổng khối lượng T là 42.950 kg loại T cám 4a.1.

Ngày 18/01/2021, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện Yên Dũng có yêu cầu định giá để xác định giá trị tài sản trộm cắp. Tại bản kết luận số 11/KL-ĐGTS ngày 19/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Yên Dũng kết luận: 42.950 kg T cám 4a.1 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 89.336.000 đồng.

Trong vụ án này Vũ Văn C khai đã đưa tiền cho Vũ Chí Tình là giám định viên của Trung tâm giám định Cảnh Phả để tăng thông số độ ẩm của T từ 10,06% lên 10,80%. Tuy nhiên, Tình không thừa nhận, cơ quan C sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đã tiến hành đối chất nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai không có các chứng cứ khác, do vậy không đủ căn cứ để xử lý hành vi của Vũ Chí Tình.

Đối với Nguyễn Thị Định có mặt trên tàu đi cùng chồng là Đoàn Văn Độ, chị Định đi theo chồng từ nhiều ngày nay và không biết Độ đi trộm cắp T, ngoài lời khai không có chứng cứ khác, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với các tài sản thu giữ gồm: tàu đẩy Sông Hồng 16; 04 (bốn) sà lan ký hiệu lần lượt là SH 11, số đăng ký HN 1807; SH 12, số đăng ký HN 1808; SH 15, số đăng ký HN 1810 và SH 16, số đăng ký HN 1811; 02 máy bơm nước loại máy chạy bằng xăng (trong đó coa 01 chiếc có ký hiệu HONDA GX 200; 01 chiếc có ký hiệu HONDA GX 1200) đều kèm theo ống chõ và ống hút nước, cùng các giấy tờ thu trên tàu Sông Hồng 16. Qua điều tra xác định là của Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Sông Hồng, ngày 22/10/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Sông Hồng các tài sản trên để Công ty cổ phần đầu tư thương mại và vận tải Sông Hồng làm thủ tục bàn giao cho Công ty cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc.

Đối với tàu BN 1168 là của anh Nguyễn Văn Hà, sinh năm 1988, cho Trường thuê, Trường dùng tàu thuê của Hà đi thực hiện hành vi trộm cắp anh Hà không biết, ngày 18/01/2021 Cơ quan điều tra đã anh Nguyễn Văn Hà chiếc tàu nêu trên.

Đối với tàu BN 0384 trên khoang tàu có 01 máy mức bánh xích nhãn hiệu KOHATSU là của ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1971, cho Độ thuê, Độ dùng tàu thuê của ông Tuấn đi thực hiện hành vi trộm cắp ông Tuấn không biết, ngày 18/01/2021 Cơ quan điều tra đã ông Nguyễn Văn Tuấn chiếc tàu nêu trên.

Đối với 42.950 kg T cám loại 4a.1 là số T các bị cáo trộm cắp của Tập đoàn công nghiệp T - KS Việt Nam. Ngày 30/9/2021, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại cho Tập đoàn Công nghiệp T - KS Việt Nam. Tập đoàn Công nghiệp T - KS Việt Nam đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 26.000.000 đồng thu giữ của Vũ Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, mặt lưng màu xanh, ốp nhựa màu trắng và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh loại 105 đều đã qua sử dụng thu giữ của Đào Duy Tâm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại 105 đều đã qua sử dụng thu giữ của Bùi Văn Long; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mặt sau không có nắp đậy đã qua sử dụng thu giữ

của Nguyễn Duy Long; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITTEL màu xanh đều đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Văn Cường; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của Trương Công Súc; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng ốp lưng bằng nhựa màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của Lê Văn Việt; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 353120113993850 bên trong lắp sim số 0813578783; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Tphone X màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 359411087549347 bên trong lắp sim số 0949269158 thu giữ của Nguyễn Văn Trường. không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngày 30/9/2020 và 17,18/01/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu.

Vật chứng của vụ án: 01 phong bì niêm phong đựng kẹp chì bị cắt phá thu giữ trên 04 sà lan ký hiệu lần lượt là SH 11, SH 12, SH 15, SH 16; 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ, đen loại 5310, số IMEI1 357740102501095, số IMEI2 357740103101093 đã qua sử dụng thu giữ của Vũ Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại 106 đã qua sử dụng thu giữ của Trần Quang Tình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt lưng màu vàng, ốp nhựa màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Văn Mạnh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu LENOVO màu trắng, màn hình bị đập vỡ kính đã qua sử dụng thu giữ của Đoàn Văn Độ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng, số IMEI 1 355752101832498, số IMEI 2 355752103832496 bên trong lắp sim số 0989377108 thu giữ của Nguyễn Văn Trường được chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng để giải quyết theo thẩm quyền.

+ Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKSYD ngày 25/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Vũ Văn C, Đào Duy Tầm, Nguyễn Duy Long, Vũ Văn Cường, Bùi Văn Long, Trương Công Súc, Lê Văn Việt, Trần Quang Tình, Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Văn Trường, Đoàn Văn Độ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 99/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh B đã quyết định:

**1. Áp dụng pháp luật**

2.1. Căn cứ điểm c khoản 2,5 Điều 173, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn C

2.2. Căn cứ điểm c khoản 2, 5 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đào Duy Tầm, Nguyễn Duy Long, Vũ Văn Cường, Trương Công Súc, Lê Văn Việt, Nguyễn Văn Trường, Đoàn Văn Độ.

2.3. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn Long, Trần Quang Tình, Nguyễn Văn Mạnh.

2.4. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 136, Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### 3. Hình phạt:

3.1. Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn C 02 (Hai) năm 05 (Năm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 09/10/2020 đến ngày 18/10/2020).

3.2. Xử phạt: Bị cáo Đào Duy Tầm 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (sáu, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm), về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hiệp Lực, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Trường 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 06 (sáu, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm), về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.4. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy Long 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.5. Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Cường 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Kim Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.6. Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Long 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hùng Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.7. Xử phạt: Bị cáo Trương Công Sức 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.8. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Việt 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 04 (Bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đông Hải, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.9. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Mạnh 02 (Hai) năm 01 (Một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 02 (Hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.10. Xử phạt: Bị cáo Trần Quang Tình 02 (Hai) năm 01 (Một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 02 (Hai) tháng, tính



từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3.11. Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn Độ 02 (Hai) năm 01 (Một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm 02 (Hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Trung Khê, huyện Lương Tài, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 14/12/2021 bị cáo Vũ Văn C nộp đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo trình bày cụ thể:

Bị cáo xin hưởng án treo do đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, phạm tội lần đầu, tại phiên tòa xác định hành vi của bị cáo cấp sơ thẩm đánh giá là đúng, không oan, bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo là lao động chính, bố mất sớm, mẹ già, con bị bệnh động kinh và bị bại não bẩm sinh. Quá trình làm việc tại công ty T có nhiều thành tích trong công tác. Sau khi án sơ thẩm xử xong bị cáo nhận thức việc làm của mình là sai đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí. Chính quyền địa phương xác nhận bị cáo trong thời gian sống ở địa phương thực hiện tốt các quy định chính sách của địa phương, không vi phạm gì. Đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội được đi làm lại tại công ty.

- Đại diện VKSND tỉnh B thực hiện quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1, Điều 355; Điều 357- BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn C. Sửa bản án sơ thẩm số 99/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh B, cụ thể: Giữ nguyên mức án sơ thẩm đối với bị cáo C nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Về án phí HSPT: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin hưởng án treo

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Hội đồng XX thấy:

Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 09/10/2020, tại khu vực sông Thương thuộc địa phận thôn Tân Phương, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh B. Cục Cảnh sát hình sự và Tiểu đoàn Cảnh sát đặc nhiệm số 01 thuộc Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động - Bộ Công an phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng, tỉnh B bắt quả tang Vũ Văn C, Đào Duy Tâm, Nguyễn Duy Long, Vũ Văn Cường, Bùi Văn Long, Trương

Công Súc, Lê Văn Việt, Trần Quang Tình, Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Văn Trường, Đoàn Văn Độ đang có hành vi trộm cắp 42.950kg T cám loại 4a.1 trị giá là 89.336.000 đồng từ 04 sà lan T của Tập đoàn Công nghiệp T - KS Việt Nam đang trên đường vận chuyển đến giao cho Công ty cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc sang tàu của Nguyễn Văn Trường để Trường đem đi bán, Cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả cho bị hại.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất hành vi, vai trò, thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo C xin hưởng án treo nên các vấn đề khác của bản án sơ thẩm đã tuyên về tội danh, điều luật áp dụng, phạt bổ sung, xử lý vật chứng. án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX Pc thẩm không đặt ra giải quyết.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy:

- Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến lĩnh vực an toàn, trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Án sơ thẩm nhận định là có căn cứ

- Xét tính chất hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo trong vụ án: Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên không có sự cấu kết tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm nên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn.

Bị cáo Vũ Văn C là người giữ vai trò chính, bị cáo trực tiếp điện thoại với bị cáo Nguyễn Văn Trường để bán T trộm cắp, bị cáo liên hệ mua độ ẩm T tạo điều kiện cho các bị cáo để thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Án sơ thẩm nhận định vai trò của từng bị cáo như trên là có căn cứ.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: Cấp sơ thẩm xác định quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” về hành vi phạm tội của mình. Tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo C trong thời gian công tác được công nhận danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở áp dụng cho bị cáo C các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tại phiên tòa Pc thẩm bị cáo C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử thấy: Án sơ thẩm xử bị cáo C 02 năm 05 tháng tù, áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là đảm bảo, tuy nhiên bị cáo đã nhận thức việc làm của mình là sai trái, xuất trình được thêm chứng cứ tài liệu mới là các biên lai nộp tiền áp phí, nộp tiền phạt bổ sung và xác nhận của chính quyền địa phương về việc trong thời gian sống và làm việc bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú nên cần xem xét áp

dụng cho các bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ cư trú rõ ràng. Việc không bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu trong quá trình đấu tranh phòng chống tội phạm, không gây nguy hiểm cho xã hội. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, không cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

[3] Về án phí hình sự Pc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên theo quy định tại điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo C không phải chịu án phí hình sự Pc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 - Bộ luật tố tụng hình sự.

### QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Văn C. Sửa bản án sơ thẩm số 99/2021/HSST ngày 14/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh B

[1]. Căn cứ điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 173, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Văn C 02** (Hai) năm 05 (Năm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 10 (mười) tháng tính từ ngày tuyên án Pc thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt bổ sung bị cáo bằng tiền 10.000.000 đồng nộp bổ sung vào Ngân sách nhà nước. (Xác nhận bị cáo đã nộp xong).

Trường hợp người được hưởng án treo (C) thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về án phí hình sự Pc thẩm: Áp dụng điểm h, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí hình sự Pc thẩm.

[3]. Các vấn đề khác: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 99/2021/HSST ngày 12/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh B

không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án Pc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh B;
- STP B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hải Hường**